

Bản án số: 171/2021/HS-ST
Ngày 07 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Rỹ

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2021/TLST-HS ngày 12/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2021/QĐXXST-HS ngày 18/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/HSST-QĐ ngày 02/11/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2021/QĐXXST-HS ngày 22/11/2021, đối với bị cáo:

Phạm Minh L; sinh năm 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 179 B, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 280/33/5D T, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị B; có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011); tiền án: Không;

Tiền sự:

- Ngày 27/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số: 250/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường do nghiện chất ma túy.

- Ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số: 522/2018/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 16 tháng. Ngày 27/02/2020, chấp hành xong quyết định.

- Ngày 23/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số: 440/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường do nghiện chất ma túy. Ngày 24/12/2020, chấp hành xong quyết định.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2021 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1990; nơi cư trú: 2009/30/11 P, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1986; nơi cư trú: 288/33/5B T, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/5/2021, Phạm Minh L điều khiển xe gắn máy hiệu Exciter biển số 59C3-035.82 đi từ Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh về Quận 8, hướng từ cầu C về cầu N. Khi đi đến ngã tư đường B – Q50, Phường 6, Quận 8 thì L nhìn thấy chị Nguyễn Thị Kim N đang điều khiển xe gắn máy đi phía trước, trong túi áo khoác bên trái chị N có để chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S21. Do muốn có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị N để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, L điều khiển xe bám theo phía sau, khi đến trước số 422-424 B, Phường 6, Quận 8, L vượt lên áp sát bên trái và dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S21 của chị N, rồi tăng ga bỏ chạy. Bị giật tài sản, chị N truy hô và đuổi theo đến trước nhà số 1873/22 P, Phường 6, Quận 8 thì xe của L va quệt với xe của anh Trịnh Ngô Văn H khiến L té ngã xuống đất. Lúc này, chị N được anh Trịnh Ngô Văn H và anh Tạ Văn S hỗ trợ bắt giữ được L giải giao đến trụ sở Công an Phường 5, Quận 8 để xử lý. Công an Phường 5, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Minh L và tạm giữ của Luận 01 xe gắn máy hiệu Exciter biển số 59C3-035.82. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra, làm rõ.

Chị Nguyễn Thị Kim N khai điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S21 do chị mua vào khoảng tháng 01/2021 với giá 26.900.000 đồng. Ngày 10/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị còn lại của chiếc điện thoại này là 21.000.000 đồng. Ngày 08/5/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại điện thoại cho chị Nguyễn Thị Kim N, đồng thời chị N không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, Phạm Minh L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh, xe gắn máy biển số 59C3-035.82 có nhãn hiệu YAMACKD, loại Exciter, màu xanh đen, do anh Lâm Hồng T đứng tên đăng ký. Ngày 07/12/2020, anh T bán xe lại cho ông Đỗ Thanh V bằng hình thức ủy quyền định đoạt tài sản, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Minh T. Đến ngày 01/4/2021, ông Đỗ Thanh V bán xe lại cho chị Nguyễn Thị Kim N (là vợ của Phạm Minh L) cũng bằng hình thức ủy quyền, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/4/2021 được công chứng tại Văn phòng Công chứng V. Chị N thường xuyên cho Phạm Minh L mượn xe sử dụng nhưng không biết L dùng xe làm phương tiện cướp giật tài sản. Quá trình điều tra, chị N yêu cầu được nhận lại xe gắn máy biển số 59C3-035.82.

Tại bản Cáo trạng số 152/CT-VKSQ8 ngày 08/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Minh L về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Minh L về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị trả lại xe gắn máy biển số 59C3-035.82 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 10 giờ, ngày 06/5/2021, tại trước số 422-424 Bùi Minh Trực, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Minh L có hành vi công khai

chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S21, trị giá 21.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim N, rồi nhanh chóng tẩu thoát nhưng bị phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội, đây là tình tiết định khung hình phạt “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” của tội “Cướp giật tài sản”.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) *Dùng thủ đoạn nguy hiểm*;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Minh L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, thuộc trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Bị cáo có nhiều tiền sự về việc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do sử dụng trái phép và nghiện chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S21 là tài sản bị cáo chiếm đoạt, đã được thu hồi, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại. Đồng thời, bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét các Hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2020 và ngày 01/4/2021 thể hiện chị Nguyễn Thị Kim N (vợ của bị cáo L) là người được ủy quyền quản lý, sử dụng và định đoạt xe gắn máy biển số 59C3-035.82. Do đó, có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Kim N là người quản lý hợp pháp của chiếc xe trên. Chị Ngọc cho bị cáo L mượn nhưng không biết bị cáo dùng xe làm phương tiện phạm tội nên yêu cầu nhận lại xe của chị N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu xe thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[11] Về trách nhiệm dân sự, bị hại Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Minh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2021.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N: 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu YAMACKD, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 59C3-035.82, số khung: RLCUG1010KY103349, số máy: G3D4E869782.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/12/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Minh L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh